

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 30/7/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Giáp

Ông Trần Văn Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLPT- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/HNGĐ - ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐXXPT- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Trọng D, sinh năm 1973. Có mặt.

Bị đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1984. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Quý H, sinh năm 1956. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958. Vắng mặt.

3. Ông Trịnh Trọng M, sinh năm 1968. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1973 (bà K uỷ quyền cho ông M);

4. Bà Trịnh Thị V, sinh năm 1964;

5. Ông Trịnh Trọng Kh, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị Hoà, sinh năm 1960;

6. Bà Trịnh Thị Thuý V1, sinh năm 1962. Có mặt.

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

7. Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1954; HKTT: Tổ 14, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

8. Ông Trịnh Trọng Đ, sinh năm 1977; HKTT: Số nhà 22, Trần Phú, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(Bà V, ông Kh, ông Q, bà H, bà N, ông Đ đều ủy quyền cho bà Trịnh Thị Thúy V1).

9. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1949; HKTT: Số nhà 724 đường Ngô Gia Tự, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Anh Trịnh Trọng D, chị Ngô Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Trịnh Trọng D trình bày: Anh kết hôn với chị Ngô Thị T ngày 06/11/2006, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn là do chị T ghen tuông vô cớ và kiểm soát anh. Cuối năm 2018 chị T làm đơn xin ly hôn anh đến Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, sau đó chị T rút đơn khởi kiện. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Toà án cho anh được ly hôn chị Ngô Thị T.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Anh Th, sinh ngày 15/11/2007 và Trịnh Trọng H, sinh ngày 10/8/2012. Hiện cả hai cháu vẫn ở cùng anh chị, khi ly hôn anh xin nuôi hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: 01 thửa đất diện tích 121m², phía đông dài 24m, phía nam rộng 5,05m, phía tây dài 24m, phía bắc rộng 5,05m tại thôn Viêm Xá, xã Hoà Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (mua năm 2012 của ông Nguyễn Thành Đ với giá 210.000.000 đồng); nhà và đất tại khu Ao Chéo, thôn Viêm Xá, xã Hoà Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mua tháng 3/2017 của gia đình bà Nguyễn Thị D với giá 4.800.000.000 đồng (nhà và đất trên do gia đình bà D quy hoạch, gộp 04 thửa đất thành một thửa nên khi mua bán thì chị T đứng tên mua của anh Lê Chí Th, anh đứng tên mua của chị Lê Tuyết L, anh M đứng tên hộ mua của anh Lê Quốc Bình, bố vợ anh là ông Ngô Quý H đứng tên hộ mua của bà Nguyễn Thị D).

Khi ly hôn anh xin được nhận toàn bộ tài sản và trích trả 30% giá trị tài sản bằng tiền cho chị T.

Công nợ: Năm 2017 để mua ngôi nhà và đất trên vợ chồng anh có vay của các anh chị em trong gia đình, cụ thể: chị Trịnh Thị Thúy V và anh Nguyễn Văn Q 800.000.000 đồng, cháu Trịnh Trọng Đ 200.000.000 đồng, chị Trịnh Thị V 05 chỉ vàng 9999, chị Nguyễn Thị Hoà và anh Trịnh Trọng Kh 02 cây vàng 9999, chị Trịnh Thị N 10 chỉ vàng 9999, anh Trịnh Trọng M và chị Nguyễn Thị K 10 cây vàng 9999. Các khoản vay trên vợ chồng đều viết giấy vay nên đây là nợ chung của vợ chồng và mỗi người phải trả 1/2 số nợ trên.

Riêng hai khoản nợ chị T vay năm 2017 của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị B 603.000.000đồng và bác chị T là bà Nguyễn Thị Y 07 cây vàng SJC là nợ riêng của chị T, anh không vay không viết giấy vay nợ nên không đồng ý xác nhận là nợ chung của vợ chồng.

Chị Ngô Thị T trình bày: Chị nhất trí với lời trình bày của anh D về thời gian, điều kiện kết hôn như anh D trình bày. Chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Anh Th, sinh ngày 15/11/2007 và Trịnh Trọng H, sinh ngày 10/8/2012. Khi ly hôn chị xin nuôi một con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung của vợ chồng như anh D trình bày là đúng. Ly hôn chị đề nghị chia đôi khối tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Công nợ: Chị xác định vợ chồng có nợ chị V và anh Q, anh M và chị K, anh Kh và chị H, anh Đ, chị N, chị V như anh D trình bày là đúng. Ngoài ra, khi vợ chồng mua nhà còn vay của mẹ chị là bà Nguyễn Thị B vàng và tiền USD tương đương 603.000.000đồng và bác chị là bà Nguyễn Thị Y 07 cây vàng SJC. Do là mẹ đẻ và bác ruột chị nên khi vay chị không viết giấy vay nợ. Năm 2018 chị làm đơn xin ly hôn anh D đến Toà án thành phố Bắc Ninh, tại bản tự khai anh D nộp cho Toà án, anh D cũng xác nhận và kê khai hai khoản vay này nên chị đề nghị chia đôi số nợ trên.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: tháng 4/2017, vợ chồng D T cần tiền mua đất nên bà có cho vợ chồng mượn 500.000.000đồng, 1.700 USD và 1,9 cây vàng 9999. Tổng cộng là 603.000.000đồng. Khi đưa tiền cho anh D, chị T thì bà chỉ đưa tay, không viết giấy vay nợ, không có người chứng kiến, chỉ nói miệng khi nào bà cần tiền thì vợ chồng sẽ trả. Nay anh D chị T ly hôn, bà đề nghị vợ chồng phải trả bà 500.000.000đồng, 1.700 USD và 1,9 cây vàng 9999 tương đương 603.000.000đồng, bà không yêu cầu trả lãi.

Bà Nguyễn Thị Y trình bày: Khoảng tháng 4/2017, thấy vợ chồng cháu D T mua nhà và đất nợ nần nhiều nên bà có cho vợ chồng mượn 07 cây vàng SJC thông qua mẹ cháu T là bà Nguyễn Thị B. Do tin tưởng nên khi đưa vàng bà chỉ đưa tay chứ không lập giấy tờ vay mượn. Nay anh D chị T ly hôn, bà đề nghị vợ chồng phải trả bà 07 cây vàng SJC tương đương với 245.400.000đồng và không yêu cầu trả lãi.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 56/2019/HNGĐ-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh đã: Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Trọng D và chị Ngô Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Trọng H, sinh ngày 10/8/2012 cho anh Trịnh Trọng D nuôi dưỡng. Cháu Trịnh Anh Th, sinh ngày 15/01/2008 cho chị Ngô Thị T nuôi

dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Giao cho anh Trịnh Trọng D được quản lý sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 3 tầng có trị giá 1.238.342.480 đồng.

Tạm giao cho anh Trịnh Trọng D được quyền quản lý sử dụng 03 thửa đất liền nhau có tổng diện tích 568m². Gồm 01 thửa đất có diện tích 195,4 m², 01 thửa đất có diện tích 187,1m² và 01 thửa đất có diện tích 185,5m² tại khu Ao Chéo thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh. Tứ cận của khu đất: phía nam giáp đường liên xã, phía đông giáp đường trục thôn và phía bắc giáp ngõ nhỏ, phía Tây giáp thửa đất tạm giao cho chị T.

Tạm giao cho chị Ngô Thị T được quyền quản lý sử dụng 01 thửa đất có diện tích 183,9m² tại khu Ao Chéo thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh. Tứ cận của thửa đất: phía tây giáp nhà ông tam, phía nam giáp đường liên xã, phía đông giáp thửa đất tạm giao cho anh D và phía bắc giáp ngõ nhỏ và 01 thửa đất có diện tích 121m² mua của ông Nguyễn Thành Đ tại khu Ba Dạn Đàng Đìa, thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh. (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục khi có đủ điều kiện và phù hợp quy hoạch.

4. Về công nợ: Anh Trịnh Trọng D có trách nhiệm trả ông Trịnh Trọng M bà Nguyễn Thị K 360.000.000 đồng; trả vợ chồng bà Trịnh Thị Thuý V và ông Nguyễn Văn Q số tiền 800.000.000 đồng; trả ông Trịnh Trọng Đ số tiền 200.000.000 đồng; trả bà Trịnh Thị V 18.000.000 đồng; trả bà Nguyễn Thị Hòa 72.000.000 đồng; trả bà Trịnh Thị N 36.000.000 đồng.

Chị Ngô Thị T có trách nhiệm trả: bà Nguyễn Thị B 603.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Y 245.400.000 đồng.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ, anh Trịnh Trọng D có trách nhiệm trả chị Ngô Thị T 300.371.240 đồng tiền chênh lệch.

Ngày 10/12/2019, anh Trịnh Trọng D kháng cáo một phần bản án, yêu cầu: Giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: chia theo tỷ lệ 70/30 (anh D được 70% và chị T được 30% trị giá tài sản); về công nợ: không chấp nhận khoản nợ của bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Y.

Ngày 10/12/2019, chị Ngô Thị T kháng cáo một phần bản án, yêu cầu: đề nghị chia tài sản theo pháp luật tránh thiệt hại cho chị T và giảm án phí cho chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm

bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của anh Trịnh Trọng D và chị Ngô Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trịnh Trọng D và chị Ngô Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do vậy kháng cáo của đương sự là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Anh Trịnh Trọng D kết hôn với chị Ngô Thị T ngày 06/11/2006, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đã đồng ý ly hôn. Tòa án sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh D và chị T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trịnh Trọng D thì thấy:

[3.1] Con chung: Vợ chồng có hai con là Trịnh Anh Th, sinh ngày 15/01/2008 và cháu Trịnh Trọng H, sinh ngày 10/8/2012. Anh D kháng cáo xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Anh D, chị T đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung, cả hai anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc dù, cháu Thơ và cháu Hùng có nguyện vọng xin được ở với anh D nhưng do anh D là bác sĩ, công việc bận rộn, thường xuyên phải trực tại bệnh viện, còn chị T có nhiều thời gian hơn anh D, hơn nữa cháu Anh Thơ là con gái, đang ở tuổi phát triển, rất cần sự quan tâm chăm sóc, hướng dẫn của người mẹ. Nên để đảm bảo môi trường sống và nuôi dưỡng tốt nhất cho các cháu, tòa án sơ thẩm đã giao cháu Thơ cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu Hùng cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.2] Tài sản chung: Anh D, chị T đều xác nhận có tài sản chung vợ chồng gồm: 01 thửa đất diện tích 121m² (phía Đông dài 24m, phía Nam rộng 5,05m, phía Tây dài 24m, phía Bắc rộng 5,05m) tại thôn Viêm Xá, xã Hoà Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mua của ông Nguyễn Thành Đô và 04 thửa đất cùng tài sản trên đất là ngôi nhà 03 tầng tại khu Ao Chéo, thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh (hiện nay đã nhập thành một thửa đất có tứ cận phía Nam giáp đường liên xã, phía Đông giáp đường trục thôn, phía Bắc giáp ngõ nhỏ, phía Tây giáp nhà ông T1).

Toàn bộ các thửa đất trên hiện do vợ chồng anh D, chị T quản lý sử dụng, các thửa đất này đều là đất do thôn Viêm Xá, xã Hoà Long giao trái thẩm quyền, chưa được các cấp có thẩm quyền quy hoạch làm đất ở. Vì vậy, chưa đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không xác định được giá đất. Các tài sản trên đất có trị giá

1.238.342.480đ (*một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi đồng*).

Vì vậy, có căn cứ xác nhận toàn bộ khối tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng anh Trịnh Trọng D và chị Ngô Thị T.

Anh D kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 70/30 (anh D 70%, chị T 30%).

Xét thấy: Tuy anh D có công sức đóng góp nhiều hơn chị T trong việc phát triển tài sản chung của vợ chồng, nhưng theo quy định tại Điều 29 và Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “*vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập... Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân*”. Vì vậy, tòa án cấp sơ thẩm đã chia đôi tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ.

[3.3] Nợ chung: Anh D không đồng ý xác nhận khoản nợ của bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Y là nợ chung của vợ chồng.

Xét thấy: Cả hai khoản vay này đều không viết giấy vay nợ và không có chữ ký của anh D, chị T. Tuy nhiên, tại thời điểm tháng 3/2017 anh D và chị T đã cùng một lúc mua 04 thửa đất của gia đình bà D với giá 4.800.000.000đồng. Với thu nhập của hai vợ chồng thì đây là một số tiền rất lớn tại thời điểm đó, vì vợ chồng đã phải vay nợ rất nhiều từ những người thân (điều này đã được chứng minh bằng các khoản nợ mà hai vợ chồng phải trả theo bản án sơ thẩm).

Khoản vay bà Bình và bà Yến là do chị T vay năm 2017 để mua đất của vợ chồng, anh D tuy không trực tiếp vay và ký nhận nợ với bà Bình và bà Yến nhưng tại bản tự khai ngày 08/11/2018 gửi Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh (khi vợ chồng giải quyết ly hôn năm 2018) thì anh D đã tự kê khai 3 khoản nợ do chị T vay của cụ Nguyễn Văn Vũ (ông ngoại chị T) 255.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Y (bác chị T) khoảng 220.000.000đồng, bà Nguyễn Thị B (mẹ chị T) 500.000.00đồng và 100.000.000đồng tiền vàng. Sau đó anh D cũng đã trả cụ Vũ 250.000.000 đồng còn nợ lại 5.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay anh D cũng thừa nhận trong Bản tự khai năm 2018 khi vợ chồng giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thì anh có kê khai 3 khoản nợ do chị T vay của cụ Nguyễn Văn Vũ (ông ngoại chị T), bà Nguyễn Thị Y (bác chị T) và bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ chị T). Tuy nhiên việc kê khai này là do chị T yêu cầu anh ghi chứ không phải do anh vay, sau đó, anh có trả cụ Vũ 250.000.000đồng.

Như vậy, mặc dù anh D không vay và không ký nhận nợ nhưng đến thời điểm tháng 11/2018 anh D cũng đã biết và thừa nhận số tiền chị T vay bà Y và bà B là nợ chung của vợ chồng nên tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là nợ chung của vợ chồng và buộc anh D, chị T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà B và bà Y là có căn cứ.

[4]. Đối với kháng cáo của chị Ngô Thị T thì thấy:

[4.1]. Về chia tài sản: Như đã phân tích trong phần kháng cáo của anh D, bản án sơ thẩm chia đôi tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tài sản.

[4.2]. Án phí: Chị T kháng cáo đề nghị Tòa án miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm, kèm theo đơn kháng cáo là đơn xin miễn án phí đề ngày 09/12/2019, nội dung đơn trình bày điều kiện kinh tế khó khăn và có xác nhận của UBND phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh.

Xét thấy: Hiện tại chị T chưa có chỗ ở, một mình nuôi con, điều kiện kinh tế khó khăn nên chấp nhận miễn giảm một phần án phí cho chị T.

Từ những phân tích trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trịnh Trọng D, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Ngô Thị T và sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Trịnh Trọng D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị T được chấp nhận một phần nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 55, 59, 60, 62, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Trịnh Trọng D, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Ngô Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Trọng D và chị Ngô Thị T.

2. Con chung: Giao cháu Trịnh Trọng H, sinh ngày 10/8/2012 cho anh Trịnh Trọng D nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Anh Th, sinh ngày 15/01/2008 cho chị Ngô Thị T nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết. Anh Trịnh Trọng D, chị Ngô Thị T được quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Tài sản:

Giao cho anh Trịnh Trọng D sở hữu ngôi nhà 3 tầng có trị giá 1.238.342.480đ (*một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm tám mươi đồng*). Tạm giao cho anh Trịnh Trọng D quản lý sử dụng 03 thửa đất liền nhau có tổng diện tích 568m² (hình A2345F gồm: 01 thửa đất diện tích 195,4m², 01 thửa đất diện tích 187,1m² và 01 thửa đất diện tích 185,5m²) tại khu Ao Chéo thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; tứ cận của khu đất: phía nam giáp đường liên xã, phía đông giáp đường trục thôn và phía bắc giáp ngõ nhỏ, phía tây giáp thửa đất tạm giao cho chị T.

Tạm giao cho chị Ngô Thị T quản lý sử dụng: 01 thửa đất diện tích 183,9m² (hình 1AF6) tại khu Ao Chéo thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh; tứ cận của thửa đất: phía tây giáp nhà ông Tam, phía nam giáp đường liên xã, phía đông giáp thửa đất tạm giao cho anh D, phía bắc giáp ngõ nhỏ và 01 thửa đất diện tích 121m² (phía đông dài 24m, phía nam rộng 5,05m, phía tây dài 24m, phía bắc rộng 5,05m mua của ông Nguyễn Thành Đô) tại khu Ba Đạn Đàng Địa, thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh. *(có sơ đồ kèm theo bản án)*.

Anh Trịnh Trọng D, chị Ngô Thị T liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có đủ điều kiện và phù hợp quy hoạch.

4. Công nợ:

Giao cho anh Trịnh Trọng D trả nợ: ông Trịnh Trọng M và bà Nguyễn Thị K 360.000.000đồng, bà Trịnh Thị Thuý V và ông Nguyễn Văn Q 800.000.000đồng, bà Trịnh Thị V 18.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Hòa 72.000.000đồng, bà Trịnh Thị N 36.000.000đồng và ông Trịnh Trọng Đ 200.000.000đồng.

Giao cho chị Ngô Thị T trả nợ: bà Nguyễn Thị B 603.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Y 245.400.000đồng.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ, anh Trịnh Trọng D phải trả chị Ngô Thị T 300.371.240đ *(ba trăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng)* tiền chênh lệch tài sản.

5. Chi phí tố tụng: Chị Ngô Thị T trả anh Trịnh Trọng D 8.000.000đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Án phí dân sự: Anh Trịnh Trọng D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đồng án phí phúc thẩm và 51.727.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (xác nhận anh D đã nộp 300.000đồng tại biên lai số AA/2018/0001600 ngày 15/01/2019, 21.795.000 đồng tại biên lai số AA/2018/0001601 ngày 15/01/2019 và 300.000 đ tại biên lai số AA/2019/0000037 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Miễn một phần án phí cho chị Ngô Thị T, chị T phải chịu 26.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (xác nhận chị T đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0000044 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Trịnh Trọng M 9.000.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001763 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Hoàn trả bà Trịnh Thị Thúy V1 18.000.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001800 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Hoàn trả bà Trịnh Thị N 900.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001799 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Hoàn trả bà Trịnh Thị V 450.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001798 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Hòa 1.800.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001796 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Hoàn trả ông Trịnh Trọng Đ 5.000.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001797 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị B 14.060.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001950 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Y 7.385.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0002158 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tp Bắc Ninh;
- Chi cục THADS tp Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai